

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Du

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 316/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 và **Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Võ Ngọc M, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 555/41, đường ĐX127, khu phố 3, phường A, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: ông Phan Tường T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 1353 Đại lộ Bình Dương, Tổ 26, khu phố 4, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 03/7/2023, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Võ Ngọc M trình bày:

Bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ngày 30/01/2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09, quyền số 01/2015.

Trong thời gian sống chung giữa bà M và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, hai bên đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để cùng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành, bà M và ông T không còn sống chung từ tháng 04/2019 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm, quan hệ vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Võ Ngọc M yêu cầu được ly hôn với ông Phan Tường T.

- Về con chung: bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T có một con chung tên Phan H, sinh ngày 01/6/2016, từ khi không sống chung, con do bà M nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: bà Võ Ngọc M yêu cầu ông Phan Tường T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Phan H đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Tường T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: mâu thuẫn hôn nhân giữa bà M và ông T đã trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 04/2019 đến nay, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M.

Về con chung: cháu Phan H, sinh ngày 01/6/2016 có nguyện vọng được sống với bà M, bà M nuôi dưỡng con từ khi không sống chung với ông T đến nay, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của bà M.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của ông Phan Tường T: Theo kết quả xác minh ngày 21/8/2023 của Tòa án, ông Phan Tường T có đăng ký thường trú và sinh sống tại số 1353 Đại lộ Bình Dương, Tổ 26, khu phố 4, phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ ông Phan Tường T tham gia hòa giải vào các ngày 07/8/2023, ngày 23/8/2023; tham gia phiên tòa vào các ngày 11/9/2023, ngày

29/9/2023 nhưng ông Phan Tường T vắng mặt không có lý do, bà Võ Ngọc M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự cùng những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt ông T, bà M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T chung sống không hạnh phúc do chênh lệch tuổi tác khá nhiều, tư tưởng, quan điểm và cách sống không hòa hợp, thường xuyên mâu thuẫn gây tranh cãi làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con và những người xung quanh. Bà M và ông T không còn sống chung từ tháng 04/2019 đến nay và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tòa án đã thông báo và triệu tập ông Phan Tường T tham gia các phiên hòa giải nhằm giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa ông T và bà M nhưng ông T vắng mặt không tham gia tố tụng. Như vậy, ông T đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với bà M và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2023, Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Thủ Dầu Một cung cấp thông tin: Trong quá trình chung sống, bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T không yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, hòa giải khi có mâu thuẫn xảy ra vì vậy đại diện Ủy ban nhân dân phường H không xác định được bà M và ông T có mâu thuẫn như thế nào trong đời sống hôn nhân.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Võ Ngọc M yêu cầu ly hôn ông Phan Tường T có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T có 01 con chung tên Phan H, sinh ngày 01/6/2016, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Xét thấy, cháu Phan H đã trên 7 tuổi, hiện tại đang sinh sống cùng bà M, tại bản tự khai ngày 19/8/2023 cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà M không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: số tiền 2.000.000 đồng/tháng bà M yêu cầu ông T mức cấp dưỡng nuôi con phù hợp với mặt bằng chỉ số giá tiêu dùng hiện nay tại địa phương nơi cháu H đang sinh sống nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: bà Võ Ngọc M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Võ Ngọc M phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: ông Phan Tường T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 238, 273 và Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc M về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Phan Tường T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: bà Võ Ngọc M được ly hôn với ông Phan Tường T.

1.2 Về con chung: bà Võ Ngọc M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan H, sinh ngày 01/6/2016.

Ông Phan Tường T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Phan H, sinh ngày 01/6/2016 đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, ông Phan Tường T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Phan Tường T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Võ Ngọc M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3 Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Võ Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba

trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003364, ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: ông Phan Tường T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo: bà Võ Ngọc M và ông Phan Tường T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Lan Hương